

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030"; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị "về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo"; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026- 2030 và các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện Kế hoạch số 545/KH-SGDĐT ngày 28/02/2026 của Sở GDĐT Quảng Ngãi về chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2026- 2030, Trường THPT Lê Quý Đôn ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030. Nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Xây dựng nhà trường phát triển toàn diện trên nền tảng số; hình thành hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ, hiện đại, an toàn, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong giai đoạn mới.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; bảo đảm 100% giáo viên được bồi dưỡng kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học và quản lý trong môi trường số.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; bảo đảm tối thiểu 50% tiết học được triển khai có ứng dụng công nghệ số, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Thúc đẩy phát triển, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả học liệu số; từng bước hình thành kho học liệu số dùng chung, phục vụ giảng dạy, học tập và tự học.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục thông qua số hóa quy trình, dữ liệu và dịch vụ công; hướng tới xây dựng chính quyền số trong ngành

giáo dục.

## **2. Yêu cầu**

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, đồng bộ từ cán bộ quản lý đến giáo viên, nhân viên; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong giai đoạn 2026- 2030.

Triển khai có lộ trình cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả; gắn với chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá hằng năm.

Nội dung, giải pháp phải thiết thực, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp.

Gắn chuyển đổi số với nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới phương pháp giáo dục; không chạy theo hình thức, bảo đảm thực chất.

Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu của nhà trường theo quy định pháp luật.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Triển khai đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số trong nhà trường giai đoạn 2026-2030, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển của ngành GDĐT; xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại, lấy người học làm trung tâm, dữ liệu làm nền tảng và công nghệ số làm động lực thúc đẩy đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá; phát triển hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ, an toàn, kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục số cho người học; góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia và mục tiêu phát triển giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 71 trong giai đoạn 2026- 2030.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

*(Phụ lục I kèm theo)*

## **III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN**

*(Phụ lục II kèm theo)*

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành**

Tăng cường vai trò tham mưu, tổ chức thực hiện của Cán bộ quản lý trong triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong toàn ngành; bảo đảm đồng bộ, thống nhất từ Cán bộ quản lý đến giáo viên

và nhân viên.

Kiến toàn Ban Chỉ đạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của Sở GDĐT; phân công rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và rõ kết quả đối với từng bộ phận, từng cá nhân.

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đứng đầu các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể; bảo đảm trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số tại nhà trường.

Triển khai, thực hiện Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong ngành GDĐT; thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi số tại nhà trường thông qua hệ thống số và kiểm tra trực tiếp; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với công tác thi đua, khen thưởng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân trong ngành GDĐT.

## **2. Về thể chế, chính sách**

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy định nội bộ của nhà trường phù hợp với mô hình quản trị số, môi trường làm việc điện tử và yêu cầu số hóa toàn diện hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá.

Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, thủ tục hành chính theo hướng điện tử hóa, số hóa toàn trình; bảo đảm dữ liệu được tạo lập ngay từ đầu ở dạng số, hạn chế tối đa hồ sơ giấy.

Xây dựng cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu trong quản lý và giảng dạy; tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn, các bộ phận chủ động thí điểm mô hình mới phù hợp thực tiễn.

Ban hành quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu trong ngành GDĐT, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, đồng thời tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch công tác hằng năm, kế hoạch trung hạn của nhà trường; bảo đảm bố trí nguồn lực, kinh phí thực hiện phù hợp, hiệu quả.

## **3. Về phát triển hạ tầng số**

Rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin trong nhà trường; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng số bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong nhà trường.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng LAN/Wifi, bảo đảm 100% phòng học, phòng thực hành và phòng sinh hoạt chuyên môn có kết nối internet băng thông rộng ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu quản lý, dạy học và kiểm tra, đánh giá trên môi trường

số.

Triển khai sử dụng nền tảng điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu phục vụ lưu trữ, khai thác, chia sẻ dữ liệu ngành; bảo đảm khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu và tính sẵn sàng cao của hệ thống.

Chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, phòng học Tin học, thiết bị dạy học số theo quy định.

Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai các hệ thống quản trị trường học, nền tảng dạy học trực tuyến, kho học liệu số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy.

Tăng cường giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng ngay từ lớp hạ tầng; triển khai các hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn thông tin theo quy định

#### **4. Về phát triển nhân lực số**

Rà soát, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại nhà trường; bảo đảm có đầu mối chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phù hợp.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên kỹ năng số, kỹ năng sử dụng hệ thống quản trị, phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Nâng cao năng lực sư phạm số cho giáo viên; khuyến khích đổi mới phương pháp giảng dạy gắn với công nghệ số, học liệu số và môi trường học tập trực tuyến.

Triển khai phong trào nâng cao kỹ năng số trong nhà trường; phổ cập kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho học sinh.

Gắn kết quả bồi dưỡng, nâng cao năng lực số với đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng hằng năm.

#### **5. Về phát triển dữ liệu số**

Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, văn bản, chứng chỉ và toàn bộ quy trình nghiệp vụ; bảo đảm dữ liệu được tạo lập ngay từ đầu ở dạng số.

Xây dựng, chuẩn hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu ngành theo nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”.

Tăng cường khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ quản lý, dự báo, nâng cao chất lượng giáo dục; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý, tổng hợp và hỗ trợ ra quyết định.

Ban hành và thực hiện quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

#### **6. Về bảo đảm an ninh mạng**

Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin của nhà trường; thực hiện đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ

an toàn theo quy định.

Tăng cường giám sát, cảnh báo sớm và phòng, chống nguy cơ mất an toàn thông tin; thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ, bảo đảm khả năng phục hồi khi xảy ra sự cố.

Nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo mật thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; tăng cường tuyên truyền về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường số.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong công tác bảo đảm an ninh mạng, xử lý kịp thời các sự cố, không để xảy ra mất an toàn thông tin nghiêm trọng trong ngành.

### **7. Về phát triển Chính quyền số**

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số, chính quyền số do các cấp triển khai; bảo đảm kết nối, liên thông thông suốt từ Sở GDĐT đến nhà trường.

Thực hiện xử lý 100% hồ sơ công việc trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước); tăng cường sử dụng chữ ký số trong trao đổi, giải quyết công việc.

Chuẩn hóa, số hóa quy trình nghiệp vụ, thủ tục hành chính theo hướng toàn trình; bảo đảm tái sử dụng dữ liệu, giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian giải quyết.

Ứng dụng dữ liệu số, công cụ phân tích và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Thực hiện đo lường, đánh giá mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

### **8. Về phát triển Kinh tế số và Xã hội số**

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy, tuyển sinh và các hoạt động chuyên môn; nâng cao hiệu quả điều hành dựa trên dữ liệu số.

Triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của ngành; phát triển kho học liệu số, giáo trình điện tử, tài nguyên học tập mở phục vụ giáo viên và học sinh.

Khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học gắn với môi trường số; thúc đẩy hình thành kỹ năng số, tư duy số cho học sinh, học viên, góp phần phát triển nguồn nhân lực số của địa phương.

Tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục; nâng cao mức độ tham gia của người dân, tổ chức vào môi trường số.

Thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, bảo đảm mọi học sinh, giáo viên được tiếp cận bình đẳng với hạ tầng, nền tảng và dịch vụ giáo dục số.

**9. Về nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin**

Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong ngành.

Tăng cường truyền thông trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của các đơn vị; duy trì chuyên mục chuyển đổi số; cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip về hoạt động chuyển đổi số trong ngành.

Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng số và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin; lồng ghép nội dung giáo dục an toàn số, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện chuyển đổi số.

Tăng cường phổ biến kiến thức, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thông tin trên môi trường mạng; nâng cao ý thức trách nhiệm trong bảo vệ hệ thống, dữ liệu và thông tin cá nhân.

## **V. KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Cán bộ quản lý**

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ phận, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiến độ và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân.

- Tham mưu đầu tư hệ thống thiết bị CNTT theo hướng thiết thực, hiệu quả.

- Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ chuyển đổi số để áp dụng phần mềm vào công tác quản lý nhà trường; quản lý chuyên môn, quản lý hồ sơ, đánh giá học sinh điện tử...Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý học sinh, quản lý nhân sự, quản lý thư viện, quản lý tài chính; tự đánh giá chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu quản lý chung của ngành.

### **2. Đối với tổ chuyên môn**

- Triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và thông kê giáo dục đến toàn thể giáo viên của tổ và tuyên truyền thực hiện tốt. Xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể tại tổ chuyên môn; phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng bộ phận, cá nhân; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức rà soát chương trình, thống nhất nội dung và hình thức dạy học phù hợp với đối tượng học sinh; đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn.

- Triển khai tích cực việc đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT trong dạy học. Hỗ trợ, chia sẻ về mặt chuyên môn giữa các giáo viên.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở, động viên các giáo viên tích cực đổi mới, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục mang lại hiệu quả giáo dục cao góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

### 3. Đối với giáo viên, nhân viên

- Thực hiện nghiêm túc ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Giáo viên, nhân viên sử dụng tốt hộp thư điện tử Email, zalo, web...; tăng cường học hỏi kinh nghiệm để sử dụng các phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, elearning, học liệu số, hệ thống câu hỏi, bài tập, bài giảng trực tuyến ...

- Tích cực thảo luận trong tổ, nhóm chuyên môn, tự học để có giải pháp ứng dụng hiệu quả CNTT vào các hoạt động giảng dạy và giáo dục.

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm dạy học, hệ thống quản lý văn bản theo quy định.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác giảng dạy.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của số liệu, thông tin báo cáo.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin và thống kê giáo dục năm 2026 của Trường THPT Lê Quý Đôn. Kính báo cáo quý cấp và đề nghị các bộ phận, cá nhân phụ trách nghiêm túc thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Sở GDĐT (b/c);
- HT, các PHT;
- Các tổ CM, GV, NV (t/h);
- Niêm yết và Website nhà trường;
- Lưu: VT.



**Lê Chấn Thi**